

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 10 /2018/DSST

Ngày: 18 – 4 – 2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Trọng Búp;
2. Ông Nguyễn Thành Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2017/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu D, quận T, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình D – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông D vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: vợ chồng ông Bùi Tấn H sinh năm 1973, bà Vũ Thị T sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông H, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình D trình bày:**

Ngày 12/3/2015, vợ chồng ông Bùi Tấn H, bà Vũ Thị T cùng với Ngân hàng N - chi nhánh M, tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt là Ngân hàng) thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 5210LAV201500322, để vay số tiền 140.000.000đồng. Mục đích vay: Trồng mía, chăn nuôi bò; thời hạn vay 36 tháng; thời hạn trả chia theo kỳ: Ngày 12/3/2016 trả 20.000.000đồng, ngày 12/3/2017 trả 70.000.000đồng, ngày 13/3/2018 trả 50.000.000đồng; Tiền lãi trả theo kỳ gốc; Lãi suất trong hạn 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng ông Bùi Tấn H, bà Vũ Thị T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 160/2014/HĐTC ngày 28/3/2014 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số AK558336 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 16/5/2008 cho hộ ông Vũ Đức C, bà Trịnh Thị M tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 39 diện tích 584m² tọa lạc tại thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đã kê khai đăng ký biến động chuyển nhượng cho hộ ông Bùi Tấn H tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M'Đrăk ngày 26/10/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ ông Bùi Tấn H không trả tiền lãi và tiền gốc theo thỏa thuận. Vợ chồng ông H, bà T đã vi phạm Điều 3 của hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả số tiền 190.453.125đồng. Trong đó: Nợ gốc 140.000.000đồng, lãi trong hạn 46.812.500đồng, lãi quá hạn 3.640.625đồng tạm tính đến ngày 31/10/2017. Từ ngày 01/11/2017, tiếp tục tính lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng. Nếu ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Hiện nay ông H, bà T cùng các con đã đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ hiện nay cho Ngân hàng. Ngân hàng đã xác minh nhiều lần nhưng không có kết quả.

*** Đối với bị đơn vợ chồng ông Bùi Tấn H, bà Vũ Thị T:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh gia đình ông Hoàng, bà Thơm đã đi khỏi Thôn 7, xã C từ năm 2016 mà không chuyển hộ khẩu, không đăng ký tạm vắng và cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay cho địa phương cũng như Ngân hàng được biết. Ông H, bà T cùng với gia đình hiện nay đều vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án là việc, vì vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải được.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng

của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng Bùi Tấn H, bà Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng N, số tiền 190.453.125đồng. Trong đó: Nợ gốc 140.000.000đồng, lãi trong hạn 46.812.500đồng, lãi quá hạn 3.640.625đồng tạm tính đến ngày 31/10/2017. Từ ngày 01/11/2017, tiếp tục tính lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng. Nếu ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]Về Tố tụng: Nguyên đơn (Ngân hàng N - chi nhánh M, tỉnh Đắk Lắk) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn (vợ chồng ông Bùi tấn Hoàng, bà Vũ Thị Thơm) phải trả tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201500322 ngày 12/3/2015. Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn đã đi khỏi địa phương từ năm 2016 mà không chuyển hộ khẩu, không đăng ký tạm vắng và cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay cho chính quyền địa phương cũng như nguyên đơn được biết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Hoàng, bà Thơm. Thủ tục ủy quyền của nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 87 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, do giao dịch dân sự phát sinh từ trước ngày 01/01/2017 nên quan hệ pháp luật về

nội dung của vụ án được điều chỉnh bởi các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Xét hợp đồng tín dụng số 5210LAV201500322 ngày 12/3/2015 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng tín dụng trên, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 140.000.000đồng; thời hạn vay 36 tháng; thời hạn trả nợ chia theo kỳ: Ngày 12/3/2016 trả 20.000.000đồng, ngày 12/3/2017 trả 70.000.000đồng, ngày 13/3/2018 trả 50.000.000đồng; Tiền lãi trả theo kỳ gốc; Lãi suất trong hạn 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hộ ông H, bà T không trả tiền lãi và khoản tiền gốc nào mặc dù đã quá hạn cả 3 phân kỳ trả nợ gốc. Hiện nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn 140.000.000đồng tiền gốc, lãi trong hạn 46.812.500đồng, lãi quá hạn 3.640.625đồng tạm tính đến ngày 31/10/2017. Tổng cộng 190.453.125đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận: buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng cộng 190.453.125đồng; Trong đó tiền gốc 140.000.000đồng, lãi trong hạn 46.812.500đồng, lãi quá hạn 3.640.625đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 31/10/2017). Kể từ ngày 01/11/2017, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.3] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 160/2014/HĐTC ngày 28/3/2014 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp là ông Bùi Tấn H, bà Vũ Thị T, các bên đã cùng nhau thỏa thuận ký thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK558336 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 16/5/2008 cho hộ ông Vũ Đức C bà Trịnh Thị M thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 39 diện tích 584m² tọa lạc tại thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đã kê khai đăng ký biến động chuyển nhượng cho hộ ông Bùi Tấn H tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M'Đrăk (nay là chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M'Đrăk) ngày 26/10/2011. Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo trình tự quy định của pháp luật dân sự, đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 68 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm. Nên tài sản thế chấp trong hợp đồng này cần phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ của bên vay là vợ chồng ông Bùi Tấn H, bà Vũ Thị T.

[2.4] Sau khi vợ chồng ông H, bà T trả hết nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông H, bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK558336 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 16/5/2008.

[2.5] Trong trường hợp vợ chồng ông H, bà T không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 190.453.125đồng x 5%= 9.522.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 302, 342, Điều 343, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 717, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N: Buộc vợ chồng ông Bùi Tấn H, bà Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng N số tiền 190.453.125đồng (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn một trăm hai mươi lăm đồng*); Trong đó tiền nợ gốc 140.000.000đồng, lãi trong hạn 46.812.500đồng, lãi quá hạn 3.640.625đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 31/10/2017).

Kể từ ngày 01/11/2017, ông H, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hợp đồng tín dụng số 5210LAV201500322 ngày 12/3/2015 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Sau khi vợ chồng ông H, bà T trả hết nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Hoàng, bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK558336 do UBND huyện M’Đrăk cấp ngày 16/5/2008.

3. Trong trường hợp vợ chồng ông H, bà T không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK558336 do UBND huyện M’Đrăk cấp ngày 16/5/2008 cho hộ ông Vũ Đức C, bà Trịnh Thị M thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 39 diện tích 584m² tọa lạc tại thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đã kê khai đăng ký biến động chuyển nhượng cho hộ ông Bùi Tấn H tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M’Đrăk ngày 26/10/2011.

4. Về án phí:

4.1. Bị đơn vợ chồng ông Bùi Tấn H, bà Vũ Thị T phải chịu 9.522.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại cho Ngân hàng N - chi nhánh M số tiền 2.171.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0004555 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Vp, Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Thị Hải